TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2026
"Về việc Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Phạm Thị Bông.

- ***Thư ký phiên to***à: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Thị T**, sinh ngày 08/8/1998;

Căn cước công dân số: 040198024769;

Nơi đăng ký thường trú: Khối Q, phường Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: Vilage H N-cho, thành phố T, tỉnh Tochigi, Nhật Bản.

Người được chị T uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng:

Anh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 15/10/2002; CCCD số: 038202013558.

Nơi cư trú: Số C, ngõ N, phường Y, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Mạnh T1**, sinh ngày 07/12/1997;

Căn cước công dân số: 030097009962.

Nơi thường trú và cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng (Địa chỉ cũ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương); Nơi ở hiện nay: Không rõ.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Vũ Trung T2, bà Nguyễn Thị H1 là những người làm chứng.

(Nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Mạnh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng ngày 15/10/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Cuối năm 2022 chị sang Nhật Bản làm việc theo diện xuất khẩu lao động. Sau khi chị sang nước ngoài thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng có những khác biệt về quan niệm, lối sống và tính cách không hòa hợp. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không tiến triển, chị và anh T1 sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định giữa chị và anh T1 không còn tình cảm, không thể hàn gắn được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Về con chung: Chị và anh T1 chưa có con chung nên không phải giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không có, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án*, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Vũ Mạnh T1 và đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh T1 biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T1 vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần anh T1 đến phiên tòa nhưng anh T1 đều không có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Vũ Trung T2 là bố đẻ của anh T1 trình bày: Anh T1, chị T tự quen nhau, tự nguyện kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã B, thành phố Hải Phòng ngày 15/10/2022. Sau khi kết hôn vợ chung sống tại gia đình ông được một tuần thì chị T sang Nhật Bản lao động. Chị T, anh T1 mâu thuẫn như thế nào ông không nắm được, anh chị không nói chuyện với ông, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2022. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại, qua ứng dụng Messenger cho anh T1 biết về các văn bản đó về việc chị T xin ly hôn. Anh T1 không cho gia đình biết hiện anh đang làm gì ở đâu, không cho biết địa chỉ cụ thể hiện anh đang ở, anh T1 đã đi nước ngoài hay đi nước nào ông không biết, anh T1 cũng không đến Tòa án để giải quyết ly hôn, anh cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên qua điện thoại anh T1 có quan điểm xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn anh T1 hoàn toàn nhất trí. Do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Chị T, anh T1 chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, anh T1, chị T không có công sức đóng góp với gia đình ông.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của chị T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống, chị T, anh T1 có mâu thuẫn. Đầu năm 2022 chị T sang Nhật Bản lao động, từ đó vợ chồng bắt đầu lục đục, thường xuyên cãi nhau, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh T1, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T, anh T1 chưa có con chung.

Kết quả làm việc với địa phương ông Ngô Quang H2 trình bày: Anh Vũ Mạnh T1 và chị Hồ Thị T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống anh chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông không nắm được. Địa phương được biết chị T hiện đang ở Nhật Bản lao động nhưng địa phương không nắm được địa chỉ cụ thể của chị T. Nay, chị T xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại công văn số 498/XNC-Đ1 ngày 16/01/2026, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H xác định: Chị Hồ Thị T, sinh ngày 08/8/1998; CCCD số: 040198024769, Nơi thường trú: Khối Q, phường Q, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Vilage H N-cho, thành phố T, tỉnh Tochigi, Nhật Bản. Qua kiểm tra CSDL hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh. Anh Vũ Mạnh T1, sinh ngày 07/12/1997; CCCD số: 030097009962. Nơi thường trú: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng. Đương sự xuất cảnh gần nhất ngày 25/02/2024 bằng hộ chiếu số P02775287 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Theo số chứng thực 452-SCT/CK-ĐC ngày 10/11/2025 của Đại sứ quán nước C tại Nhật Bản xác nhận chị Hồ Thị T hiện đang tạm trú tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 22, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Vũ Mạnh T1.

Về con chung: Chưa có, không phải giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Các đương sự, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0007401 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị T có đơn khởi kiện, có xác nhận của C tại Nhật Bản, chị T xin ly hôn anh Vũ Mạnh T1 là bị đơn; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng. Chị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ chị T đã cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên bố đẻ anh T1 là ông Vũ Trung T2 xác định anh Vũ Mạnh T1 không có mặt tại địa phương, không biết hiện đang làm gì, ở đâu, không biết anh T1 có đi nước ngoài hay đi nước nào, theo công văn số 498/XNC-Đ1 ngày 16/01/2026, Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố H thì anh T1 xuất cảnh gần nhất ngày 25/02/2024 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy xác định anh T1 đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Anh T1 thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình nhưng anh không cho gia đình và chị T biết địa chỉ hiện anh đang ở nên gia đình và chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 cho Tòa án, ông T2 xác định gia đình đã thông báo nội dung các văn bản đã nhận của Tòa án cho anh T1 biết. Anh T1 không có văn bản gửi về cho Tòa án nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm của anh T1 về vụ án. Do vậy áp dụng nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Vũ Mạnh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng ngày 15/10/2022. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có

năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị T, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T, anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những khác biệt về quan niệm, lối sống và tính cách không hòa hợp. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5/2023 mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được gia đình thông báo về việc chị T xin ly hôn nhưng anh không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án và không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án nhưng anh có thông qua gia đình anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T xử cho chị Nguyễn Thị T3 được ly hôn anh Vũ Mạnh T1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T3 trình bày chưa có con chung nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị T3 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T1 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1,2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Vũ Mạnh T1.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số: 0007401 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi

hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T, bị đơn anh T1 đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng;
(để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 58 ngày 15/10/2022)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến